

**Công ty Cổ phần Mía đường –
Nhiệt điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	1950/GP 1950/GPDC1	ngày 18 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 4 năm 2005
	Giấy phép Đầu tư và giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	1950/GPDC2/39/1	ngày 19 tháng 10 năm 2007
	Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 13 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	3903000148 5900421955	ngày 2 tháng 8 năm 2007 ngày 21 tháng 7 năm 2009
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa Ông Tân Xuân Hiến Ông Đinh Văn Hiệp Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Thanh Ngữ Ông Trịnh Minh Châu	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2013) Thành viên (đến ngày 29 tháng 3 năm 2013)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Hồ Đắc Dũng Ông Nguyễn Hùng Việt Ông Nguyễn Tiến Cường	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 11 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 9 năm 2013)
Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn Ông Lê Trọng Nam Ông Lưu Mạnh Thức	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	561 Trần Hưng Đạo Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Cáp Thành Dũng
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ liên quan trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-302



Chang Huo Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		425.817.934.459	286.389.125.039
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	128.050.349.133	51.116.087.640
Tiền	111		23.612.631.250	28.116.087.640
Các khoản tương đương tiền	112		104.437.717.883	23.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	62.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	164.351.789.574	111.959.207.835
Phải thu khách hàng	131		62.923.890.459	23.344.463.210
Trả trước cho người bán	132		96.684.366.898	82.493.825.111
Các khoản phải thu khác	135		5.024.563.657	6.401.950.954
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(281.031.440)	(281.031.440)
Hàng tồn kho	140	7	58.533.048.853	109.347.537.294
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.882.746.899	13.966.292.270
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.656.203.980	9.762.078.833
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.182.120.344
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	121.365.858
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.226.542.919	900.727.235
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		407.350.252.813	382.848.368.080
Tài sản cố định	220		374.473.276.111	349.228.342.959
Tài sản cố định hữu hình	221	8	327.393.343.785	331.495.146.712
<i>Nguyên giá</i>	222		564.353.433.401	530.858.719.055
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(236.960.089.616)	(199.363.572.343)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	80.651.394
<i>Nguyên giá</i>	228		589.186.516	589.186.516
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(589.186.516)	(508.535.122)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	47.079.932.326	17.652.544.853

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	21.931.489.836	19.806.688.449
Đầu tư dài hạn khác	258		21.931.489.836	19.806.688.449
Tài sản dài hạn khác	260		10.945.486.866	13.813.336.672
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	10.936.486.866	13.804.336.672
Tài sản dài hạn khác	268		9.000.000	9.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		833.168.187.272	669.237.493.119
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		487.480.145.751	442.340.089.272
Nợ ngắn hạn	310		320.031.472.936	306.676.738.465
Vay ngắn hạn	311	13	231.155.029.320	243.594.658.667
Phải trả người bán	312	14	28.213.133.115	34.228.330.716
Người mua trả tiền trước	313		48.337.838.820	11.364.339.972
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	4.934.028.963	8.805.014.053
Phải trả người lao động	315		186.527.994	1.285.182.181
Chi phí phải trả	316	16	2.068.844.576	2.315.828.388
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	4.020.205.547	2.680.954.446
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	1.115.864.601	2.402.430.042
Vay và nợ dài hạn	330		167.448.672.815	135.663.350.807
Nợ dài hạn khác	333		185.500.000	185.500.000
Vay dài hạn	334	19	167.263.172.815	135.477.850.807
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		345.688.041.521	226.897.403.847
Vốn chủ sở hữu	410	20	345.688.041.521	226.897.403.847
Vốn cổ phần	411	21	278.504.660.000	174.065.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(211.250.000)	-
Cổ phiếu quỹ	414	21	(1.044.000)	(1.044.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		32.620.884.458	28.044.633.501
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.649.382.930	11.361.257.452
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.125.408.133	13.426.756.894
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		833.168.187.272	669.237.493.119

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

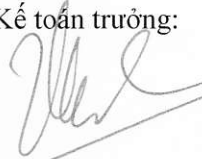
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ khách hàng	29.375.956.199	12.515.264.967

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh



Trưởng Giám đốc:



Thành Dũng

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	23	734.430.834.603	708.651.112.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	644.571.429	-
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		733.786.263.174	708.651.112.099
Giá vốn hàng bán	11	24	619.797.947.171	574.853.166.023
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		113.988.316.003	133.797.946.076
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.601.974.254	20.351.089.812
Chi phí tài chính	22	26	29.433.091.804	51.616.320.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.433.091.804</i>	<i>51.616.320.999</i>
Chi phí bán hàng	24		22.091.253.058	10.092.645.521
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.628.414.760	19.724.561.352
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		54.437.530.635	72.715.508.016
Thu nhập khác	31	27	5.296.093.385	2.809.318.026
Chi phí khác	32	28	456.584.165	177.312.028
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.839.509.220	2.632.005.998
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		59.277.039.855	75.347.514.014
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	13.514.530.287	11.363.171.419
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		45.762.509.568	63.984.342.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.344	3.676

Người lập:



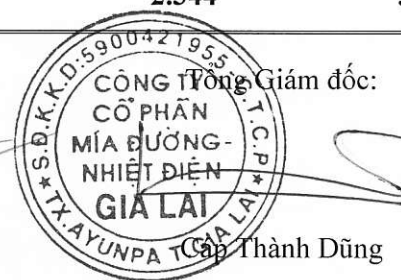
Tô Thị Tô Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Thành Dũng

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		701.658.840.274	713.808.269.383
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(453.106.985.317)	(473.189.986.427)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.070.685.857)	(31.624.747.767)
Tiền lãi vay đã trả	04		(27.917.985.391)	(50.727.501.811)
Thuế thu nhập đã nộp	05		(11.640.528.591)	(15.591.111.008)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		32.077.703.388	38.005.316.626
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(77.599.704.864)	(107.911.913.807)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		129.400.653.642	72.768.325.189
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(98.985.730.313)	(51.788.977.243)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.064.090.909	-
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	23		(157.000.000.000)	-
Tiền thu hồi từ khoản cho vay của các đơn vị khác	24		70.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.200.000.000)	-
Tiền chi cho nông dân trồng mía vay	25		(732.000.000)	(2.018.750.000)
Tiền thu hồi các khoản cho nông dân trồng mía vay	26		2.807.198.613	3.578.585.487
Tiền thu lãi và cổ tức	27		6.672.627.781	5.840.907.221
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(178.373.813.010)	(44.388.234.535)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		104.227.610.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		846.395.915.559	591.009.324.237
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(802.050.222.898)	(506.095.460.525)
Tiền chi trả cổ tức	36		(22.665.881.800)	(81.136.729.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		125.907.420.861	3.777.134.712
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		76.934.261.493	32.157.225.366
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		51.116.087.640	18.958.862.274
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	128.050.349.133	51.116.087.640

Người lập:



Tô Thị Tô Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh

Tổng Giám đốc:



Cập Thành Dũng

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 172/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 482 nhân viên (31/12/2012: 340 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh sau ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được ghi nhận là thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các nguồn khác ngoài kết quả hoạt động kinh doanh được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 đến 50 năm.

(ii) Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động

Dự phòng chi phí hoạt động liên quan đến các chi phí có thể thực hiện trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các ước tính tốt nhất của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính định kỳ.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(w) **Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	11.262.283	93.996.710
Tiền gửi ngân hàng	23.601.368.967	28.022.090.930
Các khoản tương đương tiền	104.437.717.883	23.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	128.050.349.133	51.116.087.640

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 không có khoản tiền gửi ngân hàng nào (ngày 31/12/2012: 51.022 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ cổ đông		
Phi thương mại	168.000.000	-

Các khoản phải thu từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đối với phải thu thương mại và phải hoàn trả theo yêu cầu đối với các khoản phải thu phi thương mại.

Tại 31 tháng 12 năm 2013 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ 140.721 triệu VND (31/12/2012: 76.366 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Trong khoản trả trước cho người bán bao gồm các khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị ghi sổ 60.892 triệu VND (31/12/2012: 76.648 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 11% đến 14% trong năm (2012: từ 10% đến 17%).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Trong năm, Công ty đã ghi nhận được các khoản chi phí trả trước cho người nông dân trồng mía là 61.892 triệu VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (31/12/2012: 62.045 triệu VND) và căn trừ khoản trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân là 92.721 triệu VND (2012: 87.663 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thu nhập lãi từ các khoản cho nông dân trồng mía vay	4.242.038.519	6.132.384.260
Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay	755.418.645	-
Phải thu khác	27.106.493	269.566.694
	<hr/>	<hr/>
	5.024.563.657	6.401.950.954

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	-	27.600.000
Nguyên vật liệu	12.669.808.934	10.384.194.328
Công cụ và dụng cụ	2.503.327.247	2.154.964.448
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.224.369.549	4.617.729.463
Thành phẩm	36.921.579.939	91.915.774.750
Hàng hóa	213.963.184	247.274.305
	<hr/>	<hr/>
	58.533.048.853	109.347.537.294

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 58.533 triệu VND (31/12/2012: 109.348 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	91.363.435.427	430.446.897.940	6.807.741.401	2.240.644.287	530.858.719.055
Tăng trong năm	97.400.000	2.436.549.818	559.463.636	472.776.082	3.566.189.536
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.103.245.671	24.941.348.752	2.662.200.000	-	30.706.794.423
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	1.252.568.161	-	-	-	1.252.568.161
Thanh lý	(287.597.150)	(64.761.905)	-	-	(352.359.055)
Phân loại lại (*)	(218.391.535)	(453.685.906)	(47.881.700)	(958.519.578)	(1.678.478.719)
Số dư cuối năm	95.310.660.574	457.306.348.699	9.981.523.337	1.754.900.791	564.353.433.401
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.299.066.619	160.815.759.219	2.048.413.097	1.200.333.408	199.363.572.343
Khấu hao trong năm	3.993.181.274	32.843.091.317	1.099.349.716	388.729.215	38.324.351.522
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	423.498.862	-	-	-	423.498.862
Thanh lý	(150.192.280)	(58.374.141)	-	-	(208.566.421)
Phân loại lại (*)	(119.055.631)	(235.494.779)	(46.721.043)	(541.495.237)	(942.766.690)
Số dư cuối năm	39.446.498.844	193.364.981.616	3.101.041.770	1.047.567.386	236.960.089.616
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	56.064.368.808	269.631.138.721	4.759.328.304	1.040.310.879	331.495.146.712
Số dư cuối năm	55.864.161.730	263.941.367.083	6.880.481.567	707.333.405	327.393.343.785

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12).

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 19 tháng 10 năm 2007 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty Chứng khoán Hoàng Gia và được phê duyệt bởi các cổ đông của Công ty.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 105.879 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 100.355 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 161.413 triệu VND (31/12/2012: 250.041 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	508.535.122
Khấu hao trong năm	80.651.394
Số dư cuối năm	589.186.516
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	80.651.394
Số dư cuối năm	-

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 589 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 148 triệu VND).

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	17.652.544.853	93.219.539.624
Tăng trong năm	60.134.181.896	43.462.818.450
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(30.706.794.423)	(119.029.813.221)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	47.079.932.326	17.652.544.853

Tại 31 tháng 12 năm 2013 không có chi phí xây dựng dở dang (31/12/2012: 17.653 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Trong năm chi phí vay được vốn hóa thành chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 323 triệu VND (2012: không).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:								
▪ Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (a)				42.000.000.000				-
▪ Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công (a)				20.000.000.000				-
				62.000.000.000				-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:								
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (b)				3.389.914.836				5.465.113.449
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (c)	420.000	14%	14%	4.200.000.000	-	-	-	-
▪ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	956.105	1,8%	1.8%	14.341.575.000	956.105	1,8%	1,8%	14.341.575.000
				21.931.489.836				19.806.688.449

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND (31/12/2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Các khoản cấp Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công không được đảm bảo và hưởng lãi suất lần lượt là 9,0% và 11,5% trong năm.
- (b) Các khoản cấp cho nông dân trồng mía vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 11,5% đến 17% trong năm (2012: 10% đến 17% trong năm). Khoản vay có thể thu hồi trong thời hạn vay từ 3 đến 5 năm theo các ngày giải ngân.
- (c) Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống, phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.064.462.517	7.739.874.155	13.804.336.672
Tăng trong năm	-	2.349.557.908	2.349.557.908
Phân loại lại từ tài sản cố định - thuần(*)	-	735.712.029	735.712.029
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình - thuần	-	(829.069.299)	(829.069.299)
Phân bổ trong năm	(177.930.196)	(4.946.120.248)	(5.124.050.444)
Số dư cuối năm	5.886.532.321	5.049.954.545	10.936.486.866

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong năm (Thuyết minh 8). Giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.249 triệu VND (31/12/2012: 1.287 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	215.255.029.320	167.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	15.900.000.000	76.594.658.667
	231.155.029.320	243.594.658.667

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam (a)	VND	6,5%- 9,0%	65.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam (b)	VND	7,0%- 8,3%	50.000.000.000	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (c)	VND	8,0%	30.255.029.320	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (d)	VND	8,5%	25.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (e)	VND	7,0%	25.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (f)	VND	9,0%- 10,5%	20.000.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	10,0%- 12,5%	-	50.000.000.000
			215.255.029.320	167.000.000.000

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.250.000 Đô la Mỹ (“USD”) (từ tháng 7 đến tháng 11 hàng năm) hoặc 3.000.000 USD (từ tháng 12 đến tháng 6 hàng năm). Khoản cho vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty tương đương 40 tỷ VND và các khoản phải thu với số dư tối thiểu là 60 tỷ VND.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 USD và được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho của Công ty với số dư tối thiểu là 750.000 USD cho mỗi khoản và hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 750.000 USD. Ngoài ra, Công ty cam kết sẽ chuyển khoản doanh thu bán hàng nhận được vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam để thanh toán các khoản vay.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND và được đảm bảo bằng giá trị hàng tồn kho được tài trợ từ khoản cho vay trị giá 30 tỷ VND và khoản thu nhập từ việc bán các tài sản này.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND và được đảm bảo bằng khoản trả trước cho nông dân trồng mía và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tương ứng là 60.611 triệu VND và 58.533 triệu VND.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 35 tỷ VND và được đảm bảo bằng thành phẩm với giá trị ghi sổ là 35.724 triệu VND.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.249 triệu VND; máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 141.095 triệu VND; các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 14.342 triệu VND và các khoản phải thu từ việc bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung với giá trị là 4.300 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

14. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	491.540.426	2.545.597.974

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.841.869.502	8.719.601.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.752.635.838	-
Thuế thu nhập cá nhân	338.985.423	85.120.076
Các loại thuế khác	538.200	292.500
	4.934.028.963	8.805.014.053

16. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.702.202.909	1.484.301.856
Chi phí lãi vay phải trả các công ty khác	158.666.667	-
Chi phí khác	207.975.000	831.526.532
	<hr/>	<hr/>
	2.068.844.576	2.315.828.388
	<hr/>	<hr/>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	97.022.774	18.818.814
Bảo hiểm xã hội và y tế	72.268.312	64.426.392
Cổ tức phải trả	29.922.600	67.385.600
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị	164.506.030	225.000.000
Phải trả khác	3.656.485.831	2.305.323.640
	<hr/>	<hr/>
	4.020.205.547	2.680.954.446
	<hr/>	<hr/>

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.402.430.042	4.520.677.797
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	8.571.063.094	9.629.661.920
Sử dụng trong năm	(9.857.628.535)	(11.747.909.675)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.115.864.601	2.402.430.042
	<hr/>	<hr/>

19. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	183.163.172.815	212.072.509.474
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 13)	(15.900.000.000)	(76.594.658.667)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	167.263.172.815	135.477.850.807
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (a)					
▪ Khoản vay 1	VND	14,0% - 20,0%	2013	-	615.666.000
▪ Khoản vay 2	VND	14,0% - 20,7%	2013	-	55.000.000.000
▪ Khoản vay 3	VND	14,0% - 20,7%	2015	-	2.018.750.000
▪ Khoản vay 4	VND	14,0% - 19,5%	2019	-	94.863.330.489
▪ Khoản vay 5	VND	14,0% - 18,3%	2019	-	4.272.924.152
▪ Khoản vay 6	VND	14,0% - 20,3%	2021	-	55.301.838.833
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu					
▪ Khoản vay 1 (b)	VND	11,5%-13,0%	2023	142.500.000.000	-
▪ Khoản vay 2 (c)	VND	11,5%	2021	33.663.172.815	-
Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam (d)					
	VND	5,4%	2019	7.000.000.000	-
				<hr/>	<hr/>
				183.163.172.815	212.072.509.474
				<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- (a) Trong năm, Công ty đã hoàn trả đầy đủ các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.
- (b) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 150 tỷ VND được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này (Thuyết minh 13 – f). Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 38 quý bằng nhau, mỗi quý trả 3.750 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 12 tháng 4 năm 2013.
- (c) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với hạn mức tối đa là 290 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định của dự án nâng cao sản lượng của nhà máy từ 3.200 TM lên 6.000 TM và máy phát điện cho hệ thống quốc gia với giá trị ghi sổ là 20.318 triệu VND. Khoản vay cũng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này (Thuyết minh 13 – f). Khoản vay này được hoàn trả trong 26 quý bằng nhau bắt đầu từ 22 tháng 8 năm 2015. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 22 tháng 11 năm 2021.
- (d) Khoản vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam với hạn mức tối đa là 10 tỷ VND được đảm bảo bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được hoàn trả trong 23 quý bằng nhau, mỗi quý trả 300 triệu VND bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2014. Kỳ hoàn trả cuối cùng là vào ngày 25 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	174.065.800.000	-	(1.044.000)	21.646.199.241	8.162.040.322	12.185.917.609	216.058.913.172
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	63.984.342.595	63.984.342.595
Cổ tức	-	-	-	-	-	(43.516.190.000)	(43.516.190.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	6.398.434.260	3.199.217.130	(9.597.651.390)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.629.661.920)	(9.629.661.920)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	174.065.800.000	-	(1.044.000)	28.044.633.501	11.361.257.452	13.426.756.894	226.897.403.847
Phát hành cổ phiếu	104.438.860.000	(211.250.000)	-	-	-	-	104.227.610.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	45.762.509.568	45.762.509.568
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(22.628.418.800)	(22.628.418.800)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.576.250.957	2.288.125.478	(6.864.376.435)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	-	-	(8.571.063.094)	(8.571.063.094)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	278.504.660.000	(211.250.000)	(1.044.000)	32.620.884.458	13.649.382.930	21.125.408.133	345.688.041.521

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.850.466	278.504.660.000	17.406.580	174.065.800.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	27.850.466	278.504.660.000	17.406.580	174.065.800.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	104	1.040.000	104	1.040.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	27.850.362	278.503.620.000	17.406.476	174.064.760.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	17.406.476	174.064.760.000	17.406.476	174.064.760.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	10.443.886	104.438.860.000	-	-
Số dư cuối năm	27.850.362	278.503.620.000	17.406.476	174.064.760.000

22. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty vào ngày 23 tháng 9 năm 2013 đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức 22.628 triệu VND (2012: 2.500 VND một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****23. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013	2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	615.649.088.677	590.314.553.784
▪ Mật rỉ	30.527.495.712	35.648.471.616
▪ Bùn, tro, bã	531.605.236	2.018.136.383
▪ Mía giống	651.355.630	2.173.181.166
▪ Phân bón	63.408.695.016	61.669.544.856
▪ Điện	21.583.035.472	15.831.127.176
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	2.079.558.860	996.097.118
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(644.571.429)	-
Doanh thu thuần	<u>733.786.263.174</u>	<u>708.651.112.099</u>

24. Giá vốn hàng bán

	2013	2012
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Đường	502.607.618.529	458.836.672.759
▪ Mật rỉ	30.164.920.843	33.523.793.837
▪ Bùn, tro, bã	530.523.549	1.811.785.204
▪ Mía giống	651.879.907	2.173.180.920
▪ Phân bón	63.512.651.435	62.116.204.056
▪ Điện	20.126.844.848	15.831.127.176
▪ Nước khoáng và các sản phẩm khác	2.203.508.060	560.402.071
	<u>619.797.947.171</u>	<u>574.853.166.023</u>

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.113.808.612	1.952.479.773
Lãi từ các khoản trả trước và cho nông dân trồng mía vay	10.720.003.032	17.940.689.002
Lãi từ các khoản cho đơn vị khác vay	2.047.173.610	457.921.037
Thu nhập cổ tức	1.720.989.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	15.601.974.254	20.351.089.812

26. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	29.433.091.804	51.616.320.999
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

27. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.064.090.909	-
Tiền thu từ thanh lý phế liệu	1.773.845.145	1.363.178.636
Thu nhập khác	458.157.331	1.446.139.390
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	5.296.093.385	2.809.318.026

28. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	143.792.634	-
Tiền phạt thuế	170.832.315	8.649.910
Chi phí khác	141.959.216	168.662.118
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	456.584.165	177.312.028

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	12.573.801.258	11.363.171.419
Dự phòng thiếu trong những năm trước	940.729.029	-
Chi phí thuế thu nhập	13.514.530.287	11.363.171.419

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	59.277.039.855	75.347.514.014
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.819.259.964	18.836.878.504
Chi phí không được khấu trừ thuế	598.191.400	613.617.638
Ưu đãi thuế	(2.413.402.856)	(8.087.324.723)
Thu nhập không bị tính thuế	(430.247.250)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	940.729.029	-
	13.514.530.287	11.363.171.419

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- 10% trên lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư nhà máy đường từ năm 2005 đến năm 2011 và 25% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm 50% thuế thu nhập phải trả đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư nhà máy đường từ năm 2005 đến năm 2013. Việc giảm thuế trên không áp dụng với lợi nhuận từ các dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường.
- 25% lợi nhuận tính thuế từ các khoản thu nhập khác.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 45.762.509.568 VND (2012: 63.984.342.595 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 19.523.867 (2012: 17.406.476), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	45.762.509.568	63.984.342.595
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	45.762.509.568	63.984.342.595

(ii) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền

	2013 VND	2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	17.406.476	17.406.476
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2013	2.117.391	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	19.523.867	17.406.476

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban quản lý rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (ii)	128.039.086.850	51.022.090.930
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	67.948.454.116	29.746.414.164
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác (iv)	62.000.000.000	-
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía (v)	60.611.246.295	76.366.478.936
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía (v)	3.389.914.836	5.465.113.449
	321.988.702.097	162.600.097.479

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 5 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong hạn	67.250.690.345	29.746.414.164
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	697.763.771	-
	67.948.454.116	29.746.414.164

(iv) Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các đơn vị này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(v) Khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách đầu tư mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cân trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản đầu tư được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước và đầu tư dài hạn như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong hạn	62.975.955.556	81.473.202.006
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	799.065.901	220.949.857
Quá hạn trên 180 ngày	507.171.114	418.471.962
	<hr/>	<hr/>
	64.282.192.571	82.112.623.825
	<hr/>	<hr/>

Không có biến động trong dự phòng giảm giá khoản trả trước và đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía trong năm.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	215.255.029.320	220.323.955.894	220.323.955.894	-	-	-
Phải trả người bán	28.213.133.115	28.213.133.115	28.213.133.115	-	-	-
Phải trả người lao động	186.527.994	186.527.994	186.527.994	-	-	-
Chi phí phải trả	2.068.844.576	2.068.844.576	2.068.844.576	-	-	-
Phải trả khác	4.020.205.547	4.020.205.547	4.020.205.547	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	183.163.172.815	280.543.586.772	35.508.466.540	36.274.560.204	103.651.060.044	105.109.499.983
	432.906.913.367	535.356.253.898	290.321.133.666	36.274.560.204	103.651.060.044	105.109.499.983

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	167.000.000.000	171.952.122.222	171.952.122.222	-	-	-
Phải trả người bán	34.228.330.716	34.228.330.716	34.228.330.716	-	-	-
Phải trả người lao động	1.285.182.181	1.285.182.181	1.285.182.181	-	-	-
Chi phí phải trả	2.315.828.388	2.315.828.388	2.315.828.388	-	-	-
Phải trả khác	2.680.954.446	2.680.954.446	2.680.954.446	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	212.072.509.474	298.165.342.373	97.602.006.741	38.601.552.769	97.351.863.824	64.609.919.039
	419.582.805.205	510.627.760.326	310.064.424.694	38.601.552.769	97.351.863.824	64.609.919.039

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Công ty không có rủi ro tiền tệ trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, 398 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	104.437.717.883	23.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác	62.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	166.437.717.883	23.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	23.601.368.967	28.022.090.930
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	60.611.246.295	76.366.478.936
Đầu tư dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	3.389.914.836	5.465.113.449
Vay ngắn hạn	(215.255.029.320)	(167.000.000.000)
Vay dài hạn	(183.163.172.815)	(212.072.509.474)
	<hr/>	<hr/>
	(310.815.672.037)	(269.218.826.159)
	<hr/>	<hr/>

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm giảm 2,3 tỷ VND lợi nhuận thuần của Công ty (31/12/2012: 2 tỷ VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	128.050.349.133	51.116.087.640
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	67.948.454.116	29.746.414.164
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	62.000.000.000	-
- Trả trước cho người bán	60.611.246.295	76.366.478.936
- Đầu tư dài hạn khác	3.389.914.836	5.465.113.449
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	18.541.575.000	14.341.575.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	32.233.338.662	36.909.285.162
- Nợ ngắn hạn khác	2.255.372.570	3.601.010.569
- Các khoản vay	398.418.202.135	379.072.509.474

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay ngắn hạn và nợ phải trả khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu – Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và cổ phiếu Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công, các khoản đầu tư dài hạn khác vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía và vay dài hạn khác

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Mua hàng hóa, tài sản và dịch vụ	5.423.150.723	22.254.227.042
Cho vay	117.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản vay đã nhận	65.000.000.000	20.000.000.000
Phát hành cổ phiếu	19.256.120.000	-
Chi phí lãi vay	990.000.001	707.250.000
Thu nhập lãi cho vay	1.703.111.110	357.638.889
Cổ tức đã trả	4.172.160.200	28.144.785.000
Cổ tức đã nhận	1.720.989.000	-
Bán nước khoáng	2.318.182	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (*)		
Phát hành cổ phiếu	25.200.000.000	-
Cổ tức đã trả	5.460.000.000	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Mua công cụ và dụng cụ	600.000.000	-
Phát hành cổ phiếu	24.000.000.000	-
Cổ tức đã trả	5.200.000.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và trợ cấp công tác	3.879.929.531	3.945.297.463

(*) Trong năm 2013, Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh đã thay đổi tên pháp lý thành Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	522.060.933.987	605.109.200.800
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.174.266.158	19.034.003.896
	524.235.200.145	624.143.204.696

(b) Cam kết khác

Ngày 1 tháng 8 năm 2013, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định bán 10.443.948 và 705.542 cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông và nhân viên quản lý chủ chốt. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đăng ký các giao dịch trên với Ủy ban Chứng khoán Việt Nam.

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	538.911.944.261	498.456.304.847
Chi phí nhân công	39.578.232.354	30.395.397.013
Chi phí khấu hao và phân bổ	38.405.002.916	41.118.306.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.692.836.074	30.210.451.773
Chi phí khác	6.929.599.384	4.489.913.074

Người lập:



Tô Thị Tố Nga

Kế toán trưởng:



Nguyễn Xuân Thanh



Tổng Giám đốc:

Thành Dũng

Ngày 17 tháng 3 năm 2014